

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/ 9 /2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim D

2. Bà Tạ Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh N - Thư ký tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2022/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1971

HKTT: Khu phố I, phường Lam S, Bím S, Thanh H

Tạm trú: 103 C3 ngách 273/6, ngõ 273 Tân M, Hoàng M, HN.

(Chị T có mặt)

Bị đơn: Anh Tống Văn T, sinh năm 1967

HKTT: Tân Phúc, xã Vĩnh P, huyện Vĩnh L, tỉnh TH

Tạm trú: 103 C3 ngách 273/6, ngõ 273 Tân M, HM, HN.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Lưu Thị T và anh Tổng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Vĩnh L, tỉnh TH, vào ngày 06/02/1991. Trong quá trình chung sống, anh T đã không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi bài bạc, rượu chè say xỉn, không làm chủ được hành vi của mình dẫn đến xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên đánh đập chị T. Sau nhiều năm chung sống với nhau, chị T đã nhẫn nhịn, khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi.

Khoảng năm 2019, chị T và anh T có xảy ra cãi vã, anh T đã đánh đập tôi, dùng dao đuổi và dọa giết chị T ở nhà anh trai và bố mẹ của chị T. Chị T đã nhẫn nhịn nhiều năm, cố gắng hàn gắn tình cảm với anh Tổng Văn Tiến nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, chị T cho rằng tính mạng của chị T không được an toàn nếu còn chung sống vợ chồng với anh T; Chị T và anh T đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Do vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Tổng Văn T.

+ *Về con chung:* Chị Lưu Thị T xác nhận có 01 con chung là cháu Tổng Duy H, sinh ngày 06/11/1991. Hiện nay cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu H đã có gia đình riêng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nhà đất chung:* Chị Lưu Thị T xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về các khoản nợ chung:* Chị Lưu Thị T xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Lưu Thị T xác nhận tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Tổng Văn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lưu Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tổng Văn T.

Chị T trình bày, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị T đã không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác nhận có 01 con chung là cháu Tổng Duy H, sinh ngày 06/11/1991. Hiện nay cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu H đã có gia đình riêng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung và khoản nợ chung khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T. Chị Lưu Thị T được ly hôn anh Tổng Văn T.

Chị Lưu Thị T và anh Tổng Văn T có 01 con chung là cháu Tổng Duy H, sinh ngày 06/11/1991. Hiện nay cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu H đã có gia đình riêng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có nên không xem xét giải quyết

- Các khoản nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Tổng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tổng Văn T.

Anh Tổng Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lưu Thị T và anh Tổng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh H, vào ngày 06/02/1991. Trong quá trình chung sống, anh T đã không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bài bạc, rượu chè say xỉn, không làm chủ được hành vi của mình dẫn đến xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên đánh đập chị T. Sau nhiều năm chung sống với nhau, chị T đã nhẫn nhịn, khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Khoảng năm 2019, chị T và anh T có xảy ra cãi vã, anh T đã đánh đập chị T, dùng dao đuổi và dọa giết chị T ở nhà anh trai và bố mẹ của chị T. Chị T đã nhẫn nhịn nhiều năm, cố gắng hàn gắn tình cảm với anh Tổng Văn T nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, chị T cho rằng tính mạng của chị T không được an toàn nếu còn chung sống vợ chồng với anh T; Chị T và anh T đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Chị T, anh T không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T. Cho chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Tổng Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Tổng Văn T có 01 con chung là cháu Tổng Duy H, sinh ngày 06/11/1991. Hiện nay cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu H đã có gia đình riêng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị T. Cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Tổng Văn T.

2. Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Tổng Văn T có 01 con chung là cháu Tổng Duy H, sinh ngày 06/11/1991. Hiện nay cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi,

cháu H đã có gia đình riêng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Lưu Thị T đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0050258 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Chị Lưu Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Tổng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Phạm Thị N